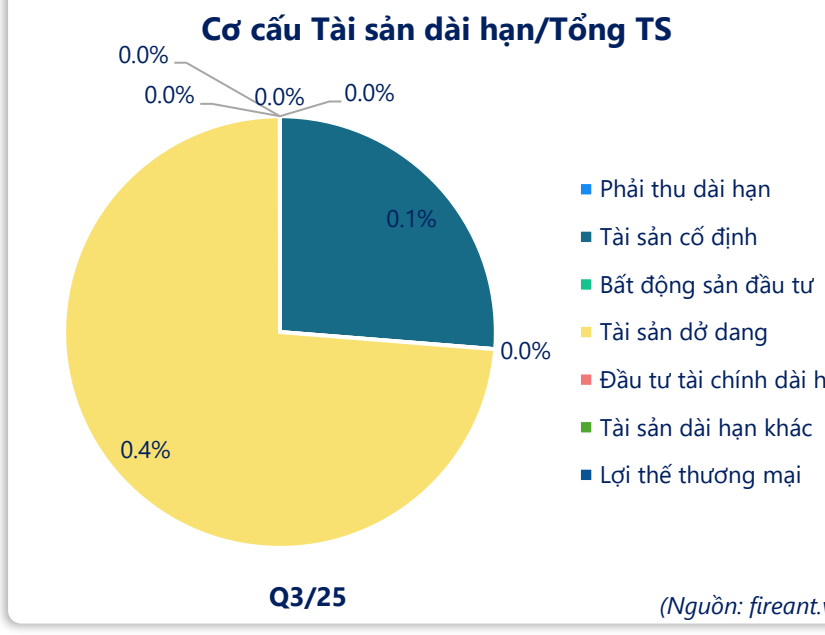
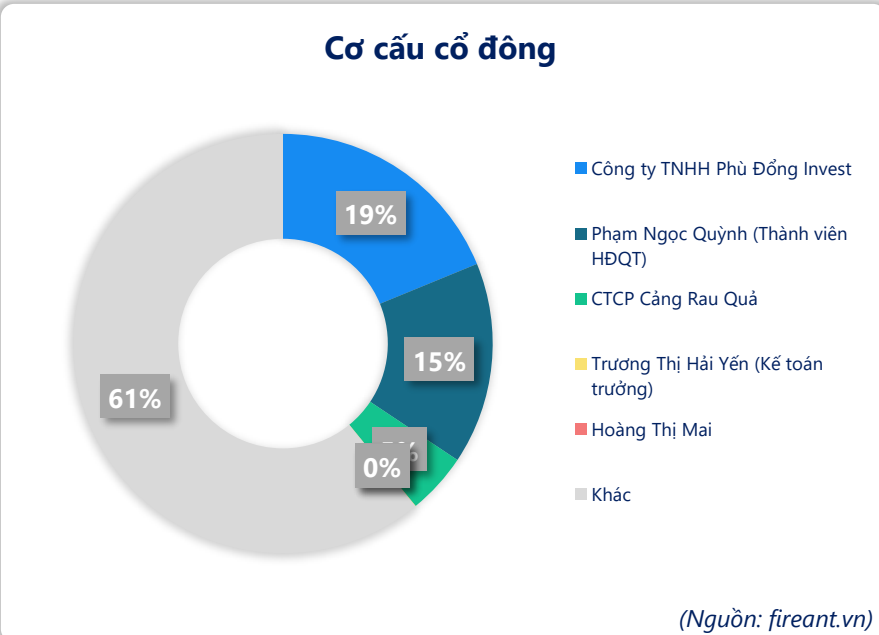
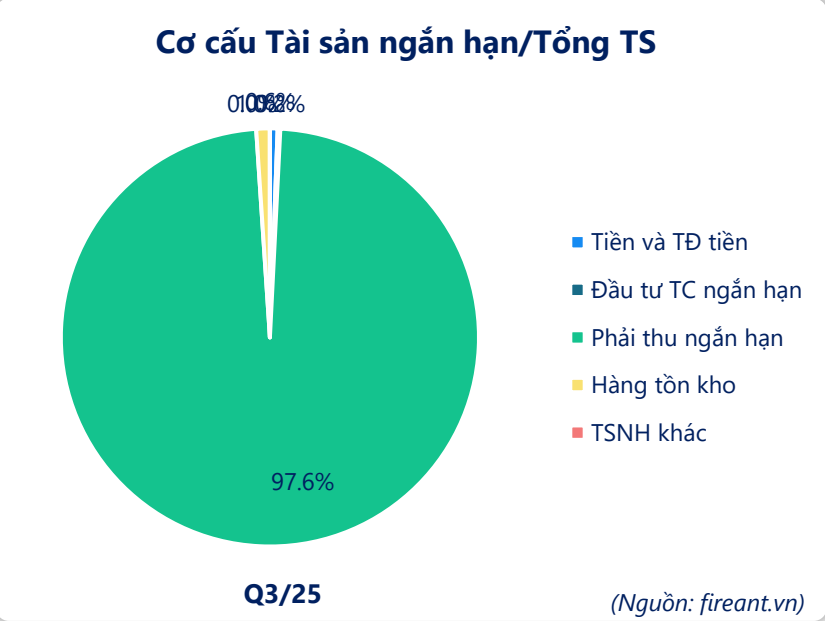
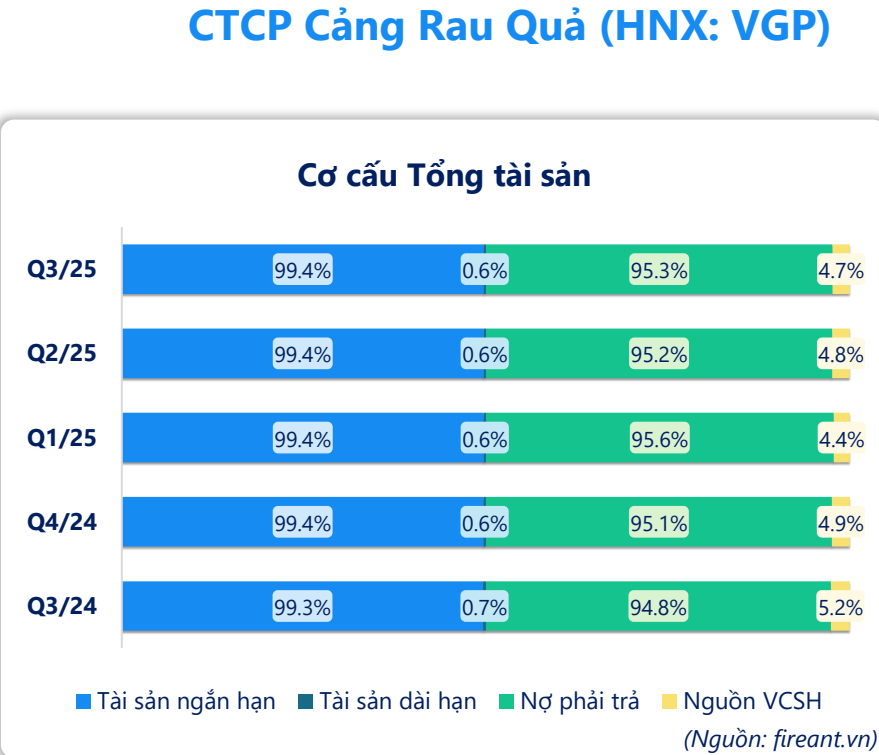
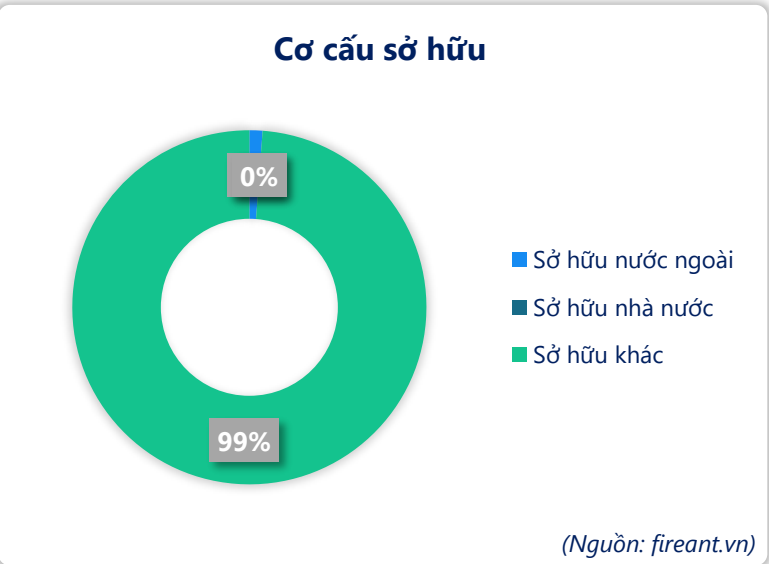
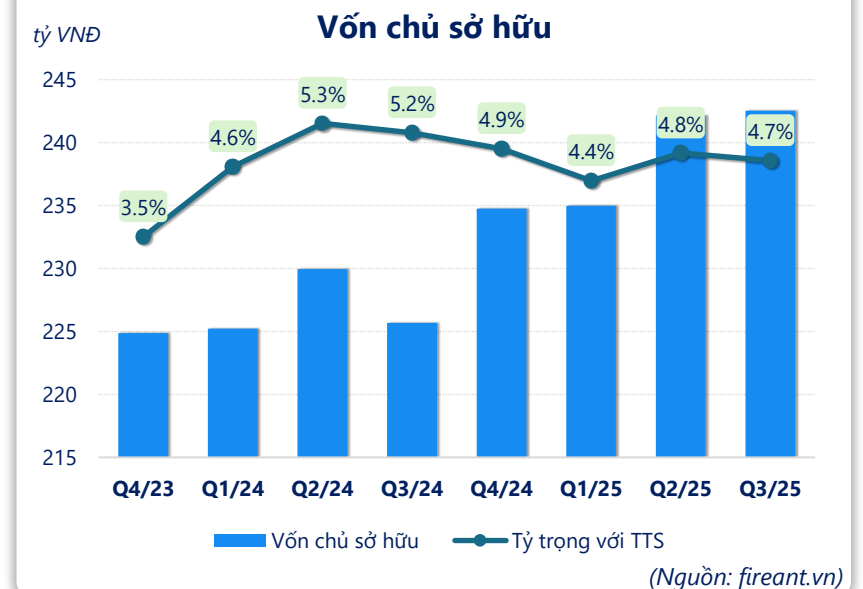
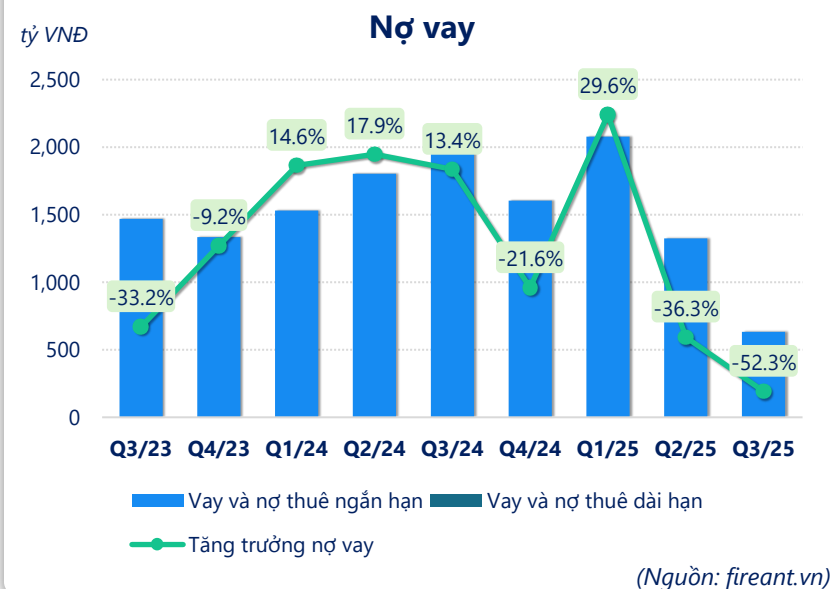
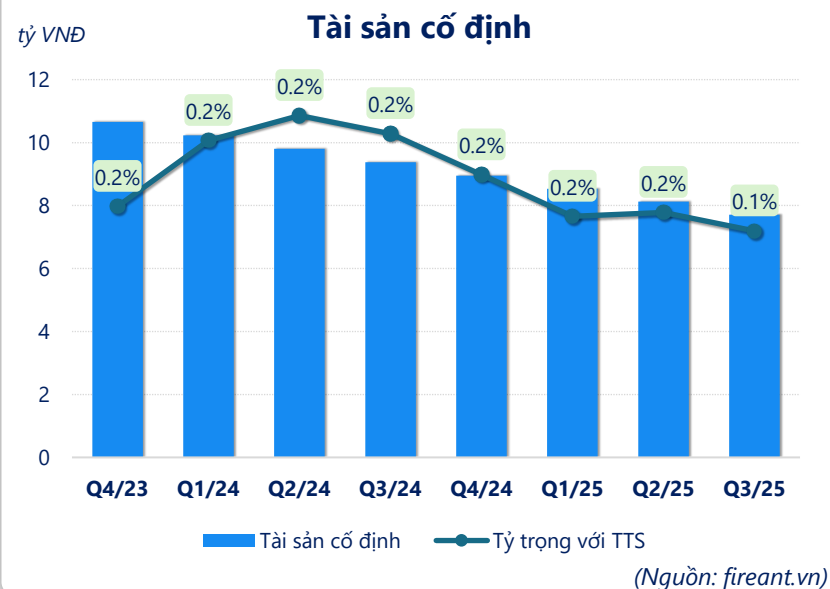
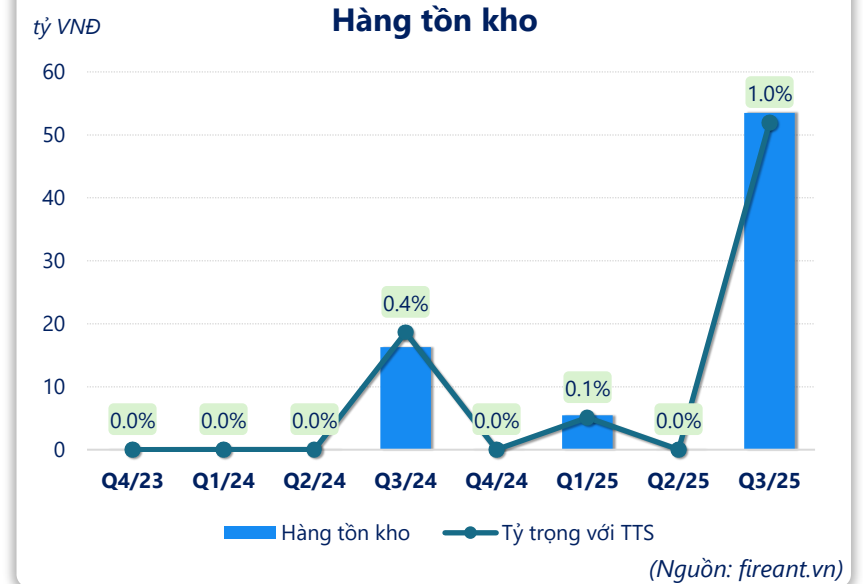
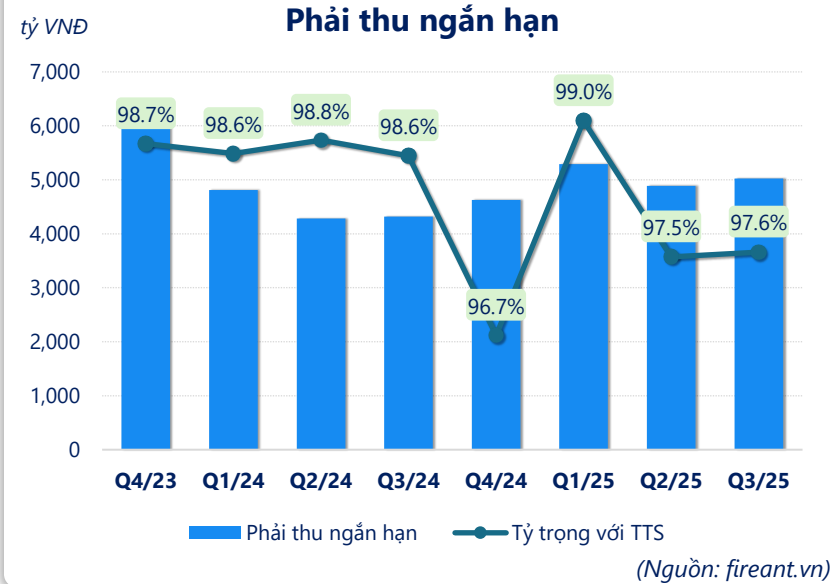
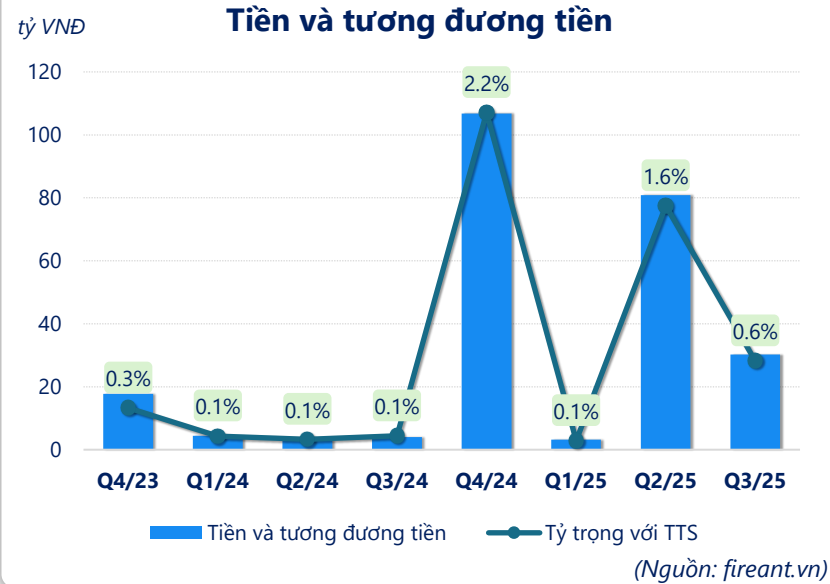
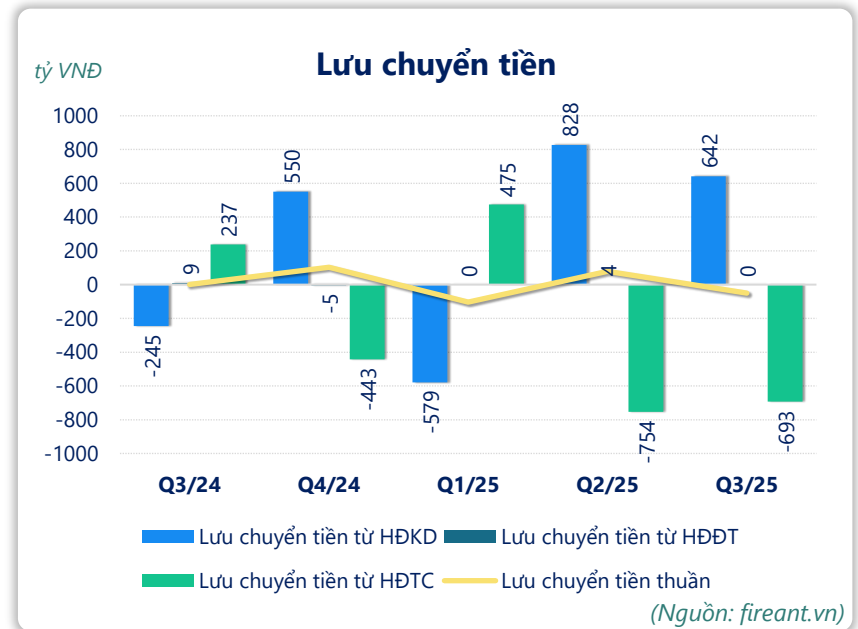
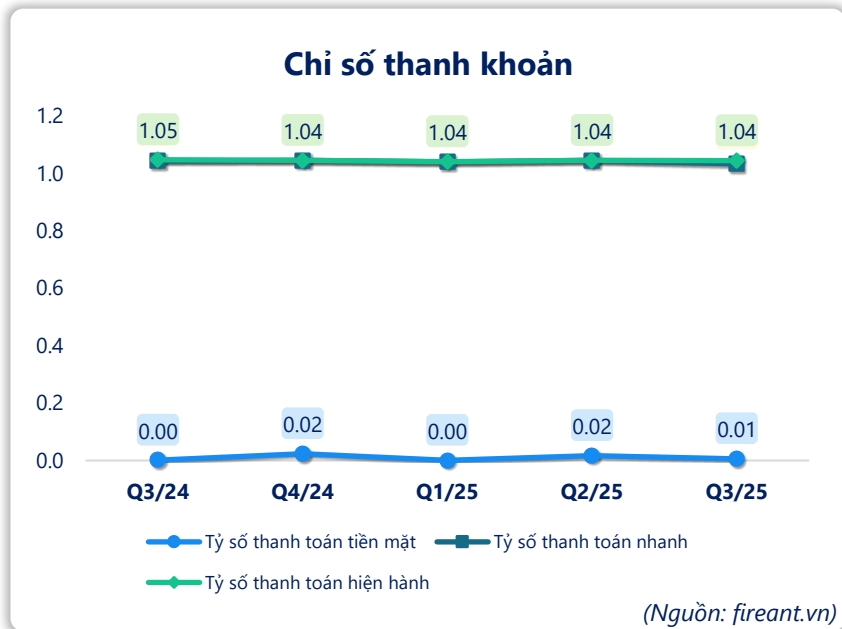
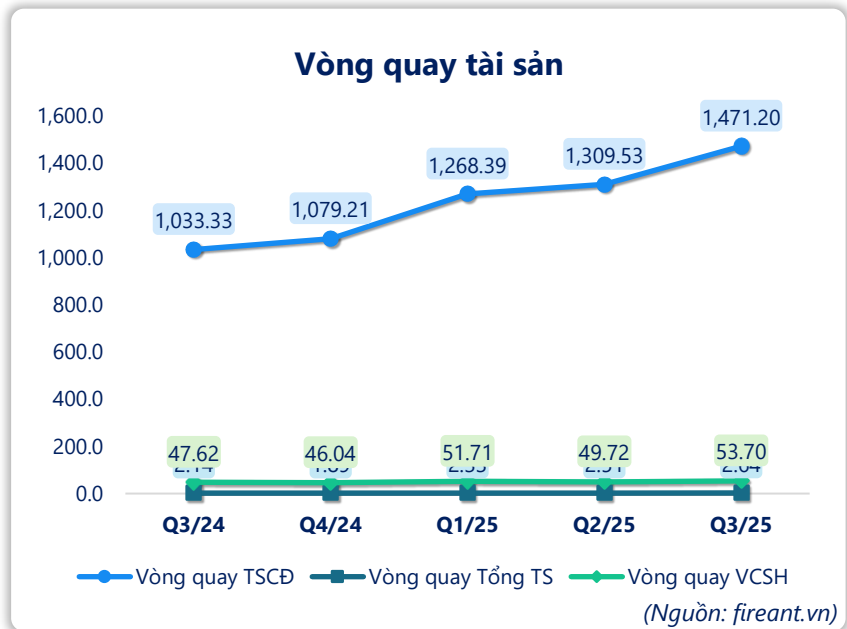
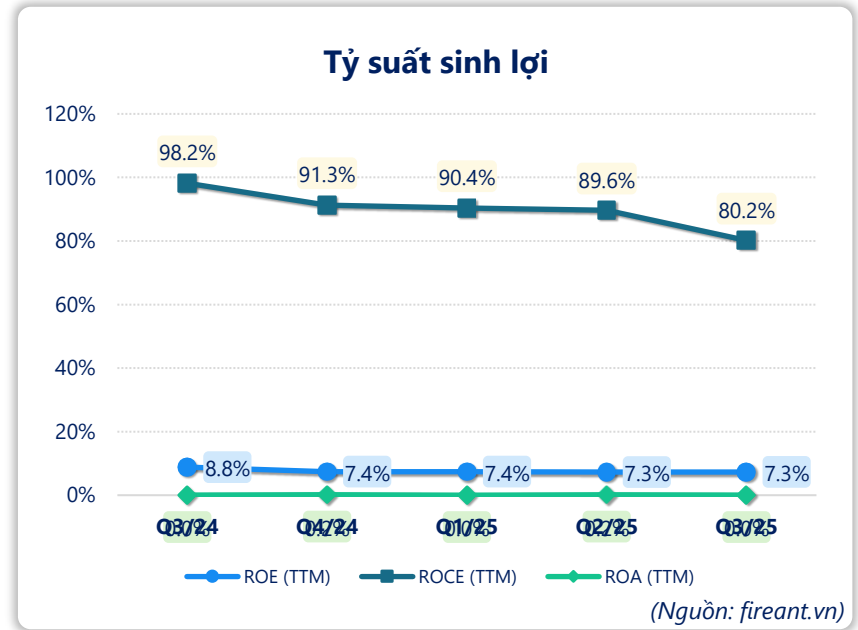
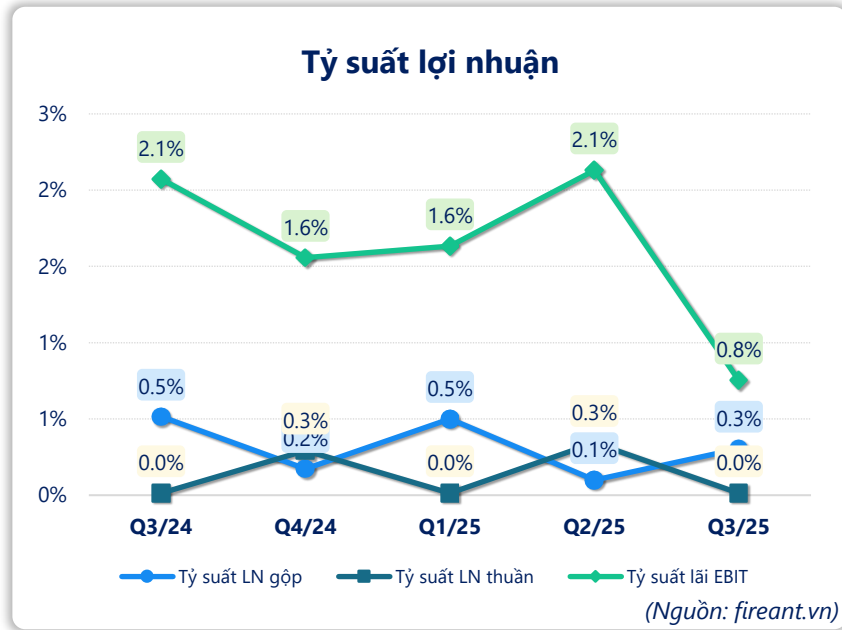
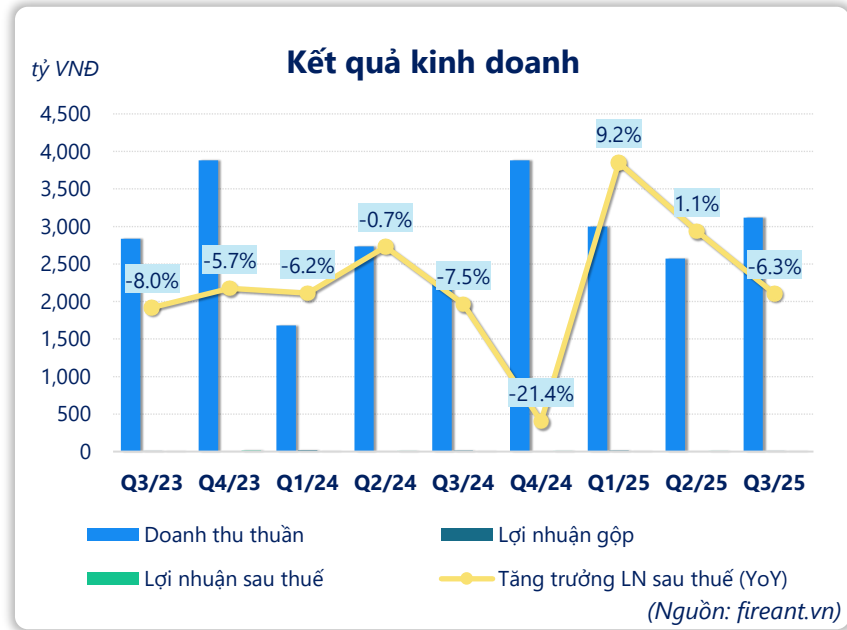


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,400
SL cổ phiếu LH		7,825,922
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,935
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		220
P/E		12.8
EPS		2,196

	YTD	1T	3T	6T
VGP	-10.8%	-2.8%	-6.0%	-11.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,146	4,787	7.5%
Tài sản ngắn hạn	5,117	4,757	7.6%
Tiền và tương đương tiền	30.2	107	-71.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.5	13.7	-23.4%
Phải thu ngắn hạn	5,022	4,630	8.5%
Hàng tồn kho	53.5	0.00	2236254%
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	6.42	-94.8%
Tài sản dài hạn	29.4	30.5	-3.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.71	8.95	-13.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.6	21.6	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-26.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,903	4,553	7.7%
Nợ ngắn hạn	4,903	4,553	7.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	632	1,603	-60.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,515	2,526	39.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	235	3.4%
Vốn chủ sở hữu	243	235	3.4%
Vốn điều lệ	82.1	82.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,284	3,880	2,999	2,574	3,119
Giá vốn hàng bán	2,272	3,873	2,984	2,571	3,109
Lợi nhuận gộp	11.8	6.69	15.0	2.56	9.54
Doanh thu HĐTC	71.6	110	59.8	119	61.4
Chi phí TC	80.6	102	72.8	111	68.8
Chi phí lãi vay	46.9	49.0	48.5	45.6	23.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.19	0.94	0.42	0.77	0.64
Chi phí QLDN	1.29	1.76	1.15	1.43	1.14
LN thuần từ HĐKD	0.31	11.4	0.43	8.83	0.42
Lợi nhuận khác	0.19	0.07	0.05	0.34	0.06
LN trước thuế	0.51	11.5	0.48	9.18	0.48
Lợi nhuận sau thuế	0.41	9.08	0.39	7.34	0.38
LNST của CĐ cty mẹ	0.41	9.08	0.39	7.34	0.38

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-245	550	-579	828	642
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.62	-4.53	0.05	3.53	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	237	-443	475	-754	-693
Tiền đầu kỳ	2.97	3.99	107	3.20	80.9
Lưu chuyển tiền thuần	1.02	103	-104	77.7	-50.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.99	107	3.20	80.9	30.2

(Nguồn: fireant.vn)